

Số: 490 /TM-TTYT

Chiêm Hóa, ngày 13 tháng 9 năm 2024

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ  
VÀ DỰ TOÁN MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ**

Kính gửi: Quý công ty, đơn vị cung ứng hàng hóa, trang thiết bị y tế

- Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 03/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang V/v quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Căn cứ Quyết định số 1517/QĐ-SYT ngày 22/12/2023 của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp máy thở, máy gây mê. Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang đề nghị các công ty cung cấp báo giá gốc và file tổng hợp (theo phụ lục gửi kèm) cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Trần Ngọc Linh - Khoa dược vật tư trang thiết bị Y tế, Số điện thoại: 0985.735.576, Email: tbytlinhduyen85@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận báo giá trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư - Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa. Địa chỉ: tổ Vĩnh Lim, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Bản chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm phong kín ở miệng bao bì để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá. Bản chào giá phải ghi rõ nội dung ngoài phong bì để tiện theo dõi.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 9h00, ngày 13/09/2024 đến trước 17h00, ngày 23/09/2024.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không có hiệu lực.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục và yêu cầu đáp ứng của hàng hóa:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT		ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
TT	Danh mục thiết bị y tế			
1	Máy gây mê kèm thở	Máy	01	Máy mới 100%
	Xuất xứ: Châu Âu			
	- Sản xuất từ năm 2024 trở đi			
	- Thiết bị mới 100%			
	- Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001			
	- Bảo hành: 24 tháng			
	- Nguồn điện: 220V, 50/60Hz			
	- Môi trường hoạt động: Nhiệt độ tối đa 35°C, Độ ẩm tối đa 80%, không ngưng tụ			
	<b>I. Cấu hình kỹ thuật</b>			
	- Máy chính tích hợp màn hình hiển thị: 01 máy			
	- Cảm biến lưu lượng, loại sử dụng nhiều lần: 03 cái			
	- Cảm biến Oxy: 01 cái			
	- Can vôi soda: 05 lít			
	- Màn chắn bụi vôi soda: 01 cái			
	- Dây thở khí mê thừa: 01 cái			
	- Bộ dây dẫn khí Oxy: 01 bộ			
	- Bộ dây dẫn khí nén: 01 bộ			
	- Bình bốc hơi khí mê (Servoflurance): 01 bình			
	- Hệ thống xe đẩy 4 bánh, có phanh hãm, đồng bộ: 01 bộ			
	- Bộ dây thở sử dụng nhiều lần cho người lớn bằng Silicon chính hãng cung cấp: 01 bộ			
	- Bộ dây thở sử dụng nhiều lần cho trẻ em bằng Silicon chính hãng cung cấp: 01 bộ			
	- Cảm biến lưu lượng loại sử dụng nhiều lần: 03 chiếc			
	- Mặt nạ gây mê cho người lớn, sử dụng nhiều lần: 01 cái			
	- Mặt nạ gây mê cho trẻ em, sử dụng nhiều lần: 01 cái			
	- Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh +			



	tiếng Việt: 01 bộ			
	<b>II. Tính năng kỹ thuật</b>			
	Dùng để gây mê cho người lớn và trẻ em			
	<b>1.2 Thông số kỹ thuật:</b>			
	Máy gây mê			
	- Thích hợp cho gây mê dòng thấp (Low - flow)			
	- Thiết bị có thể sử dụng cho bệnh nhân người lớn và trẻ em			
	- Máy sử dụng piston E-vent cho phép thông khí tương tự như máy thở ICU mà không tốn khí vận hành			
	- Hệ thống tiếp tục tự động thông khí ngay cả trong trường hợp nguồn khí trung tâm bị lỗi			
	- Có thể hoạt động bằng pin trong với thời gian hoạt động trong 45 phút			
	- Chức năng O2 flush cấp nhanh khí O2 không qua bình bốc hơi vào đường thở cho bệnh nhân			
	- Hệ thống đường thở tích hợp với bình hấp thụ CO2 dùng nhiều lần, dung tích tiêu chuẩn 1,5L			
	- Có chức năng bù độ giãn nở			
	- Tích hợp đồng hồ đo áp lực khí hệ thống cung cấp khí trung tâm cho cả 2 loại khí nguồn oxy và khí nén			
	- Cảm biến lưu lượng sử dụng công nghệ sợi nhiệt			
	- Có thể thực hiện thao tác gây mê và giúp thở bằng tay (bóp bóng) trong trường hợp mất nguồn điện chính và ắc quy bị lỗi			
	- Theo dõi bóng bóp có thể phát hiện thiếu hụt khí mới do nguồn cấp khí mới ở mức quá thấp hoặc hở khí đường thở			
	- Trong chế độ thở Man/Spont, có thể xả nhanh áp lực đường thở bằng cách nhấn van APL			
	- Có chức năng khởi động nhanh trong trường hợp khẩn cấp cho phép thông khí thủ công khi máy đang ở các trạng thái: tắt, bật, hoặc đang ở chế độ chờ.			
	- Có chế độ tiết kiệm năng lượng, tự động chuyển sang chế độ chờ khi ngừng sử dụng máy trong 2,5 phút			
	Bình bốc hơi khí mê (Servoflurance)			
	- Có khoá an toàn đảm bảo chỉ một loại thuốc mê được sử dụng khi lắp đồng thời 02 bình bốc hơi			
	- Mỗi loại bình bốc hơi có màu sắc khác nhau			
	- Nồng độ thuốc mê : Sevoflurane: 0,2 tới 8 %			
	- Lưu lượng: 0.2 - 15 L/phút			
	- Thể tích thuốc mê tối đa: 360 mL			

	Các chế độ thở tiêu chuẩn bao gồm:			
	- Thở bóp bóng bằng tay / Bệnh nhân tự thở (Man/Spont)			
	- Thông khí kiểm soát thể tích (VCV)			
	- Thông khí kiểm soát áp lực (PCV)			
	- Thông số hỗ trợ áp lực ngắt quãng đồng thì (SIMV/PS)			
	Thông số cài đặt			
	- Thể tích khí lưu thông (VT): 20 - 1400 ml			
	- Tần số thở (rate): 4 - 60 nhịp / phút			
	- Áp lực dương cuối kỳ thở ra PEEP: 0 - 20 cm H <sub>2</sub> O			
	- Tỷ lệ thở vào/thở ra (I:E): 4:1 tới 1:4			
	- Giới hạn áp lực (Pmax): 15 - 70 cm H <sub>2</sub> O			
	- Tỷ lệ giữ hít vào (Tip/Ti): 0 - 50%			
	- Lưu lượng thở vào (InspFlow): 10 – 75L/phút			
	- Áp lực thở vào (Pinsp): PEEP + 5 tới 65 cm H <sub>2</sub> O			
	Màn hình hiển thị			
	- Kích thước: 6,5 inch			
	- Màn hình chính hiển thị các thông tin:			
	Các thông báo hiện tại			
	+ Dữ liệu theo dõi O <sub>2</sub>			
	+ Dữ liệu theo dõi áp lực đường thở			
	+ Dữ liệu theo dõi thể tích thở			
	- Thanh trạng thái hiển thị các thông số:			
	+ Chế độ thở đang chọn			
	+ Dung lượng pin trong máy			
	+ Thời gian còn lại của âm báo đang bị tắt			
	+ Thời gian thực			
	- Thanh cảnh báo: hiển thị tối đa 4 báo động được ưu tiên nhất			
	- Vùng theo dõi O <sub>2</sub> : hiển thị nồng độ O <sub>2</sub> trong khí thở vào và giới hạn trên/dưới			
	- Khoảng giá trị hiển thị: 10 – 100%			
	- Vùng theo dõi thể tích thở hiển thị các thông số:			
	+ Tần số thở (Freq): 2 – 99 nhịp/phút			
	+ Thể tích khí lưu thông (VT): 0 – 1400 mL			
	+ Thể tích thông khí phút (MV): 0 – 99,9 L/phút và giới hạn cảnh báo trên/dưới			
	- Vùng theo dõi áp lực đường thở hiển thị các thông số:			
	+ Áp lực dương cuối kỳ thời ra (PEEP): 0 – 30 cmH <sub>2</sub> O			
	+ Áp lực trung bình (MEAN): 0 – 50 cmH <sub>2</sub> O			
	+ Áp lực đỉnh (PEAK): 0 – 80 cmH <sub>2</sub> O			

	+ Áp lực bình nguyên (PLAT): 0 – 80 cmH <sub>2</sub> O			
	- Giới hạn báo động trên, ngưỡng giới hạn áp lực (giới hạn báo động dưới)			
	- Vùng hiển thị áp lực đường thở dạng sóng			
	- Vùng phím mềm hiển thị các thông số và chức năng tùy thuộc vào chế độ thở được chọn			
	- Có thể hiệu chỉnh cho các cảm biến Oxy, cảm biến lưu lượng			
	- Nút chức năng chuyển sang chế độ chờ (Stand-by mode)			
	- Có chức năng kiểm tra độ rò rỉ (bao gồm Kiểm tra độ giãn nở, Kiểm tra rò rỉ hệ thống, Kiểm tra rò rỉ máy thở, Kiểm tra độ an toàn các van):			
	+ Mức độ rò rỉ khí cho máy thở tối đa: 150 ml/phút			
	+ Mức độ giãn nở toàn hệ thống tối đa: 6,5 ml/cmH <sub>2</sub> O			
	- Có chức năng khôi phục lại thông số đã được cài đặt mặc định khi bật/tắt máy, kiểm tra toàn hệ thống, hoặc bấm nút khôi phục cài đặt mặc định.			
	- Có chức năng truy nhập vào nhật ký các sự kiện báo động (Alarm log), lưu trữ tối đa 100 sự kiện			
	Báo động			
	- Báo động với âm thanh và đèn. Trong trường hợp có báo động (có sự bất thường hoặc các thông số vượt giá trị đặt trước), hệ thống sẽ hiển thị báo động liên quan trong vùng thông báo.			
	- Báo động bằng âm thanh và đèn báo với 03 mức độ cảnh báo khác nhau			
	+ Cảnh báo mức cao (!!!)			
	+ Cảnh báo mức vừa (!!)			
	+ Cảnh báo mức thấp (!)			
	- Có chức năng tạm dừng báo động âm thanh trong 2 phút			
	- Có thể điều chỉnh âm lượng cảnh báo với 10 mức độ âm thanh			
	- Có thể cài đặt lại các giới hạn cảnh báo cao nhất/thấp nhất cho các thông số:			
	+ Nồng độ khí O <sub>2</sub> thở vào (FiO <sub>2</sub> )			
	+ Thể tích thông khí phút (MV)			
	+ Áp lực đường thở (Paw)			
	+ Khi phát hiện ngưng thở (sóng áp lực không vượt qua ngưỡng), máy sẽ kích hoạt báo động.			
	Hệ thống xe đẩy:			
	- Xe đẩy sản xuất đồng bộ chính hãng với máy chính			
	- Xe đẩy di chuyển bằng 4 bánh xe, có phanh hãm			

	- Có ít nhất 3 ngăn kéo đựng dụng cụ			
	- Có bàn ghi chép cho bác sỹ			
	- Tích hợp thanh ray chuẩn ở hai bên sườn máy			

2	Máy thở xâm nhập và không xâm nhập	Máy	01	Máy mới 100%
	Xuất xứ: Châu Âu			
	Năm sản xuất từ 2024 trở về sau			
	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485			
	<b>I. Cấu hình kỹ thuật</b>			
	- Máy chính: 01 máy			
	- Hệ thống bình làm ấm ấm cho người lớn và trẻ em: 01 bộ			
	- Bộ dây thở người lớn dùng nhiều lần tiệt trùng được, chính hãng cung cấp: 01 bộ			
	- Bộ dây thở trẻ em dùng nhiều lần tiệt trùng được, chính hãng cung cấp: 01 bộ			
	- Mặt nạ thở chuyên dụng cho thở không xâm nhập dùng nhiều lần, cỡ lớn, cỡ nhỏ, chính hãng cung cấp: 02 chiếc			
	- Bộ phụ kiện cho phun khí dung: 01 bộ			
	- Phôi giả kiểm tra máy, chính hãng cung cấp: 01 chiếc			
	- Cảm biến lưu lượng dùng nhiều lần: 03 chiếc			
	- Cảm biến ôxy dùng nhiều lần (lắp sẵn trên máy): 02 chiếc			
	- Van thở ra sử dụng nhiều lần: 01 chiếc			
	- Tay đỡ ống thở: 01 bộ			
	- Xe đẩy máy: 01 chiếc			
	- Dây nối ôxy áp lực cao: 01 chiếc			
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ			
	<b>II. Thông số kỹ thuật</b>			
	- Máy sử dụng máy nén khí trong để tạo khí nén lắp đồng bộ bên trong máy, không cần máy nén khí đi kèm hay hệ thống khí nén trung tâm.			
	- Máy thở dùng được cho nhiều nhóm bệnh nhân gồm người lớn, trẻ em			
	- Tuổi thọ của bộ phận tạo khí nén bên trong: 8 năm			
	- Bộ phận tạo khí nén bằng turbin cho phép bệnh nhân thở tự nhiên bất kỳ thời điểm nào với thời gian đáp ứng nhanh			
	- Máy nén khí trong với thời gian đáp ứng nhanh và dòng cấp cực đại: 250 lít/ phút, với thời gian			

	đáp ứng của van $\leq 5\text{ms}$			
	- Theo dõi và điều khiển bằng màn hình TFT màu cảm ứng lắp bên trong máy kích thước 12 inch.			
	- Có thể dễ dàng chuyển đổi chế độ giữa mode thở thông thường và liệu pháp oxy trên cùng một máy			
	- Valve thở ra có thể tháo lắp dễ dàng và hấp tiết trùng ở tối đa $134^{\circ}\text{C}$			
	<i>Có chức năng bù tự động dòng dò trên đường thở, độ nhạy trigger và điều kiện ngắt kỳ thở vào tương ứng với các chế độ:</i>			
	- Chế độ thở xâm nhập qua ống nội khí quản: dòng bù tối đa 10 lít/ phút.			
	- Chế độ không xâm nhập NIV với chế độ kiểm soát thể tích: dòng bù tối đa 25 lít/ phút.			
	- Chế độ không xâm nhập NIV với chế độ kiểm soát áp lực: dòng bù không giới hạn.			
	- Có cảm biến lưu lượng được làm nóng, van thở ra được tích hợp bể nước để chứa nước đọng, có thể tháo lắp vệ sinh dễ dàng			
	- Có chế độ chờ, cho phép cài đặt trước các thông số thở, kiểm tra máy với ít nhất: Âm thanh báo động; kết nối ống thở; Kiểm tra bộ làm ẩm, kiểm tra kết nối phổi giả, van thở ra, van an toàn, cảm biến lưu lượng			
	- Nhận biết và hiển thị được độ giãn nở, sức cản đường thở vào và thở ra và độ rò rỉ của hệ thống ống thở sau khi thực hiện chức năng kiểm tra ống thở trên máy			
	<i>Các thông số điều khiển:</i>			
	<i>Các chế độ, kiểu và chức năng thở:</i>			
	- Kiểm soát thể tích – Thông khí bắt buộc liên tục (VC-CMV)			
	- Kiểm soát thể tích – Hỗ trợ/ điều khiển với cài đặt tần số thở dự phòng (VC-AC)			
	- Kiểm soát thể tích - Bắt buộc ngắt quãng đồng thì (VC-SIMV)			
	- Bệnh nhân thở tự nhiên trên áp lực CPAP			
	- Kiểm soát áp lực - thông khí 2 mức áp lực dương (PC-BIPAP)			
	- Thở điều khiển bằng tay.			
	- Thở không xâm nhập (Non-invasive Ventilation) cho mọi chế độ thở.			
	- Có chế độ thở dự phòng ngừng thở APNEA.			
	- Có chức năng tự động cấp 100% oxy trước và			



	sau khi hút đờm			
	- Có chức năng duy trì thời gian thở vào			
	<i>Các thông số cài đặt:</i>			
	- Dung tích sống (Vt): 50 mL - 2000 mL			
	- Áp lực thở vào: từ 1 - 99 cm H <sub>2</sub> O			
	- Giới hạn áp lực thở vào: từ 1 - 99 cm H <sub>2</sub> O.			
	- Nhịp thở: từ 2 - 80 nhịp/phút			
	- Tăng tốc dòng: 5 - 200 cmH <sub>2</sub> O/giây.			
	- Thời gian thở vào: từ 0,2 - 10 giây			
	- Thời gian thở vào cực đại khi hỗ trợ áp lực (T <sub>imax</sub> ): 0.2 - 4 giây			
	- Độ nhạy trigger: từ 1 - 15 lít/phút			
	- Nồng độ FiO <sub>2</sub> : từ 21% - 100%.			
	- PEEP: từ 0 - 50 cm H <sub>2</sub> O			
	- Áp lực hỗ trợ: từ 0 - 50 cm H <sub>2</sub> O trên mức PEEP.			
	- Điều kiện ngắt kỳ thở vào: từ 5 - 75% lưu lượng đỉnh thở vào			
	- Độ nhạy dòng: từ 1 - 15 lít/phút			
	<i>Theo dõi, tính toán và hiển thị các thông số thở:</i>			
	- Có chế độ hiển thị cùng lúc biểu đồ áp lực và kiểu thở			
	- Có thể điều chỉnh nền sáng của màn hình			
	- Các thông số được theo dõi: Áp lực đỉnh, bình nguyên và trung bình, PEEP, thể tích khí lưu thông thở vào, thở ra và tự thở, cung lượng đỉnh, FiO <sub>2</sub> , tần số thở tổng cộng và tần số thở tự nhiên, sức cản đường thở, độ giãn nở phổi, thể tích khí mỗi phút thở ra và tự thở ra, thể tích khí mỗi phút rò rỉ, thời gian thở vào, tỷ số I:E, chỉ số thở nhanh nông (RSB), PEEP nội sinh			
	<i>Các kiểu hiển thị:</i>			
	<i>Các thông số hiển thị dạng số ít nhất gồm:</i>			
	- Các thông số về áp lực hô hấp bao gồm: áp lực đỉnh, áp lực trung bình, áp lực bình nguyên, áp lực cuối kỳ thở ra: từ 0 - 99 cm H <sub>2</sub> O			
	- Nồng độ oxy: từ 21% - 100%			
	- Độ dẫn nở phổi động: từ 0,5 - 200 mL/ cm H <sub>2</sub> O			
	- Sức cản đường thở: từ 3 - 300 cm H <sub>2</sub> O/ L/ s			
	- Thể tích khí lưu thông thở vào, thở ra và tự thở: từ 0 - 3999 Lít			
	- Thể tích khí thở ra, thể tích khí thở ra tự nhiên trong một phút: từ 0 - 99 lít/phút			
	- Tần số thở tổng cộng và tần số thở tự nhiên: từ 0 - 150 nhịp/ phút.			
	- Thời gian thở vào: từ 0 - 25 giây.			

1  
 2  
 3  
 4  
 5  
 6  
 7  
 8  
 9  
 10  
 11  
 12  
 13  
 14  
 15  
 16  
 17  
 18  
 19  
 20  
 21  
 22  
 23  
 24  
 25  
 26  
 27  
 28  
 29  
 30  
 31  
 32  
 33  
 34  
 35  
 36  
 37  
 38  
 39  
 40  
 41  
 42  
 43  
 44  
 45  
 46  
 47  
 48  
 49  
 50  
 51  
 52  
 53  
 54  
 55  
 56  
 57  
 58  
 59  
 60  
 61  
 62  
 63  
 64  
 65  
 66  
 67  
 68  
 69  
 70  
 71  
 72  
 73  
 74  
 75  
 76  
 77  
 78  
 79  
 80  
 81  
 82  
 83  
 84  
 85  
 86  
 87  
 88  
 89  
 90  
 91  
 92  
 93  
 94  
 95  
 96  
 97  
 98  
 99  
 100



- Tỷ lệ I:E: từ 1:150 tới 150:1.			
- Thể tích khí mỗi phút rò rỉ: 0 - 100%.			
- Chỉ số thở nhanh nông (RSB): từ 0 - 9999 nhịp/phút/Lít			
- PEEP nội sinh: 0 - 100 cm H <sub>2</sub> O			
- Dung tích cặn chức năng (Vtrap): từ 0 - 2000 ml			
<i>Hiển thị đồ thị, bảng biểu ít nhất gồm:</i>			
- Các đường biểu đồ dạng sóng (Waveform), khuynh hướng (Trends)			
- Dữ liệu khuynh hướng (Trends) được lưu trữ tới 10 ngày và hiển thị dạng bảng với các tính năng			
- Các giá đo đạc và giá trị cài đặt được hiển thị với màu sắc khác nhau để dễ phân biệt			
- Các dữ liệu khuynh hướng (Trends) đã được lưu lại sẽ bị xóa khi tắt máy			
<i>An toàn và báo động:</i>			
<i>An toàn:</i>			
- Có van xả an toàn quá áp mở tại áp lực: 120 cmH <sub>2</sub> O.			
- Có van khẩn cấp tự động mở cho phép bệnh nhân thở tự nhiên với khí trời đã qua lọc nếu nguồn cấp khí nén và oxy bị lỗi.			
<i>Báo động:</i>			
- Thể tích khí phút thở ra: Cao/ thấp.			
- Tần số thở tự nhiên: Cao.			
- Thời gian theo dõi ngưng thở: từ 15 - 60 giây.			
- Áp lực đường khí: Cao/ thấp.			
- Nồng độ oxy thở vào: Cao/ thấp.			
- Báo động bằng âm thanh và ánh sáng kết hợp với các dòng thông tin báo động hiển thị trên màn hình.			
- Cảnh báo với các mức độ: khẩn cấp, mức độ vừa và thấp.			
<i>Các cảnh báo trên màn hình máy thở không liên quan đến người sử dụng cài đặt, tối thiểu bao gồm:</i>			
- Các phím chức năng bị lỗi.			
- Lỗi cảm biến lưu lượng, oxy.			
- Máy lỗi không hoạt động được.			
- Tắc phin lọc khí.			
- Lỗi quạt làm mát máy.			
- Mất nguồn cấp điện			
- Tình trạng ác quy			
- Có thể điều chỉnh âm lượng báo động và tạm tắt báo động trong 2 phút.			

TÂM  
VHO

<i>Nguồn cấp điện:</i>			
100-240VV±10%, 50/60Hz			
sử dụng ắc quy lắp trong, thời gian hoạt động liên tục 45 phút			
<i>Nguồn cấp khí:</i>			
Áp lực oxy đầu vào: từ 3 đến 6 Bar			

2. Địa điểm: Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa, tổ Vĩnh Lim, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.
  3. Tổng dự toán ngân sách nhà nước giao mua sắm thiết bị y tế năm 2024 là: **1.327.000.000** ( đã trừ 10% tiết kiệm chi )
  4. Thời gian dự kiến giao hàng: Quý IV năm 2024.
  5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
    - Tạm ứng/Thanh toán: Theo thỏa thuận giữa 2 bên và sau khi chủ đầu tư nhận được đủ các giấy tờ pháp lý liên quan.
    - Tối đa 90 ngày kể từ ngày hai bên thanh lý hợp đồng.
  6. Các thông tin khác: Không có.
- Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa xin trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Phòng TC-KH (để đăng tải);
- Website đơn vị;
- Lưu: VT, HST.

**GIÁM ĐỐC**



**Hà Văn Linh**

**BÁO GIÁ**

**Kính gửi:** Trung tâm Y tế Huyện Chiêm Hóa

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Huyện Chiêm Hóa chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.